



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANK'S ASSOCIATION

BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 01 (01-05/4/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

Kinh tế Mỹ: Thất nghiệp giảm như dự báo, Thị trường lao động vẫn mạnh mẽ và thương mại hàng hóa hồi phục nhanh;
Kinh tế Khu vực EURO: Lạm phát bất ngờ chậm lại, thấp hơn dự báo và thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục;
Kinh tế Nhật Bản: Doanh số bán lẻ tăng vượt dự báo, Chỉ số kinh tế dẫn báo cáo nhất kể từ 8/2022;
Giá vàng thế giới có tuần tăng mạnh tới 4% ;
Giá dầu thị trường quốc tế tăng cao nhất 5 tháng;
FED thận trọng về thời điểm hạ lãi suất; BOJ sắp đạt được mục tiêu lạm phát.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

Công điện Thủ tướng gửi Thống đốc NHNNVN về các giải pháp điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024;
Kịch bản về tăng trưởng kinh tế 2024: từ 6% đến 6,5%;
Quyết định số 538/QĐ-NHNN phê duyệt Nhóm 14 các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2024;
Công văn số 2235/NHNN-TT về việc triển khai biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ ngân hàng;
NHNN: Tổng tài sản toàn hệ thống các TCTD đạt gần 19,546 triệu tỷ đồng, giảm 2,63% so với hồi đầu năm;
Quý I/2024: Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức thấp, tín dụng quý I tăng trưởng dương;
Sau BIDV, một số ngân hàng công bố lãi suất cho vay bình quân;
Lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại ở tất cả các kỳ hạn;
Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng.



THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 01 (01-05/4/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới	Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	01/05/2024	EURUSD	1.08363	0.40%	-0.56%	-0.77%
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	11/04/2024	GBPUSD	1.26376	0.12%	-0.72%	1.60%
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	Không công bố	AUDUSD	0.65787	0.88%	0.24%	-1.38%
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/08/2022	Không công bố	USDJPY	151.612	0.20%	1.50%	15.07%
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	07/05/2024	USDCNY	7.24699	-0.12%	0.52%	5.30%
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	09/05/2024	USDCAD	1.35885	0.38%	0.56%	0.72%
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	12/04/2024	USD RUB	92.5000	-0.08%	1.93%	15.34%
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	25/04/2024	USD KRW	1350.91	0.43%	1.65%	2.46%
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	09/05/2024	DXY	104.286	-0.25%	0.89%	2.42%
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	10/04/2024	USD THB	36.5700	0.55%	2.72%	7.27%
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	15/04/2024	USDSGD	1.34867	-0.04%	0.74%	1.42%

Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.4000	0.19%	0.30%	1.11%
United Kingdom	4.1000	0.01%	0.11%	0.67%
Japan	0.7720	0.05%	0.06%	0.30%
Australia	4.2020	0.13%	0.22%	1.01%
Germany	2.4040	0.11%	0.07%	0.22%
China	2.2930	-0.02%	-0.07%	-0.57%
Singapore	3.2200	0.11%	0.17%	0.45%
South Korea	3.4310	0.02%	0.05%	0.15%
Taiwan	1.4750	0.03%	0.30%	0.24%
Thailand	2.5840	0.06%	0.02%	0.04%
Vietnam	2.8330	0.09%	0.41%	-0.77%
Hong Kong	3.7650	0.07%	0.02%	0.91%
Indonesia	6.7230	0.02%	0.08%	0.05%
Malaysia	3.9040	0.04%	0.06%	-0.04%
Philippines	6.5040	0.18%	0.17%	0.35%

Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3Y
Dow Jones	-2.27%	+0.29%	+3.22%	+16.18%	+16.32%
S&P 500	-0.95%	+0.91%	+9.11%	+26.78%	+27.56%
Nasdaq	-0.80%	-0.15%	+8.24%	+34.42%	+18.70%
DAX	-1.78%	+1.80%	+8.43%	+16.45%	+19.69%
FTSE 100	-0.52%	+2.84%	+2.30%	+2.19%	+14.90%
CAC 40	-1.76%	+0.56%	+6.87%	+10.06%	+31.49%
Euro Stoxx 50	-1.38%	+0.79%	+10.87%	+16.33%	+26.70%
Nikkei 225	-3.37%	-1.49%	+16.57%	+41.76%	+31.21%
Shanghai	+0.92%	+1.38%	+3.17%	-7.76%	-11.79%
Hang Seng	+1.10%	+3.04%	-1.90%	-17.74%	-41.68%
SET	-0.17%	+0.25%	-2.84%	-12.78%	-11.63%
KOSPI	-1.18%	+2.52%	+2.22%	+8.99%	-13.49%
IDX Com	+0.37%	-1.15%	+0.22%	+7.31%	+20.75%
PSE	-2.29%	-1.34%	+4.58%	+3.96%	+1.41%

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y	3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	86.777	4.39%	10.67%	7.56%	Copper USD/Lbs	4.2417	5.67%	9.59%	5.36%
Natural gas USD/MMBtu	1.7849	1.89%	-13.86%	-11.24%	Steel CNY/T	3331.00	-4.88%	-10.00%	-17.39%
Gasoline USD/Gal	2.7732	1.92%	8.98%	-1.43%	Iron Ore USD/T	102.00	-1.45%	-12.07%	-16.05%
2. Kim loại quý					Aluminum USD/T	2456.00	3.19%	9.89%	5.25%
Gold USD/t.oz	2329.52	3.52%	8.44%	16.01%	Tin USD/T	28395	3.16%	5.82%	13.60%
Silver USD/t.oz	27.488	9.58%	13.77%	9.93%	Zinc USD/T	2630.00	6.07%	5.43%	-5.36%
Lithium CNY/T	109500	1.86%	0.92%	-49.66%	Nikel USD/T	17543	5.89%	0.10%	-22.00%
Platinum SD/t.oz	940.30	3.55%	3.63%	-6.66%	Coal USD/T	128.20	-0.70%	-6.73%	-35.25%

Nguồn: Tradingeconomics, Investing, 06/4/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

A. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Kinh tế Mỹ: Thị trường lao động vẫn mạnh mẽ, thất nghiệp giảm như dự báo, thương mại hàng hóa hồi phục nhanh

Tháng 3/2024, kinh tế Mỹ có thêm 303,000 việc làm, cao hơn nhiều so với mức dự báo 200,000 và cũng cao hơn mức 270,000 của tháng 2 (đã điều chỉnh).

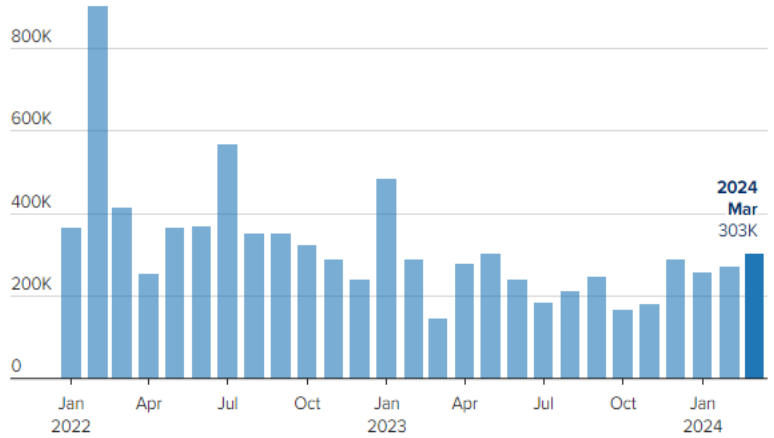
Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 3,8% như dự báo của các chuyên gia, dù tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên 62,7% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với tháng 2/2024).

Thương mại hàng hóa hồi phục mạnh, xuất nhập khẩu đạt kỷ lục

Xuất khẩu: +2,3% đạt kỷ lục 263 tỷ USD

Nhập khẩu: +2,2% đạt gần 332 tỷ USD, cao nhất kể từ tháng 10/2022.

Việc làm tạo thêm cao hơn nhiều so với dự báo



Nguồn: BLS/S&P/Tradingeconomics

Kinh tế Khu vực EURO: Lạm phát bất ngờ chậm lại, thấp hơn dự báo trong tháng 3

(tháng 3/tháng 2/dự báo)

YoY: +2,4%/2,4%/2,6% (yoy)

MoM: +0,8%/0,6%

Lạm phát lõi chậm lại còn 2,9%, dưới mức dự báo (3%) và là mức thấp nhất kể từ 2/2022.

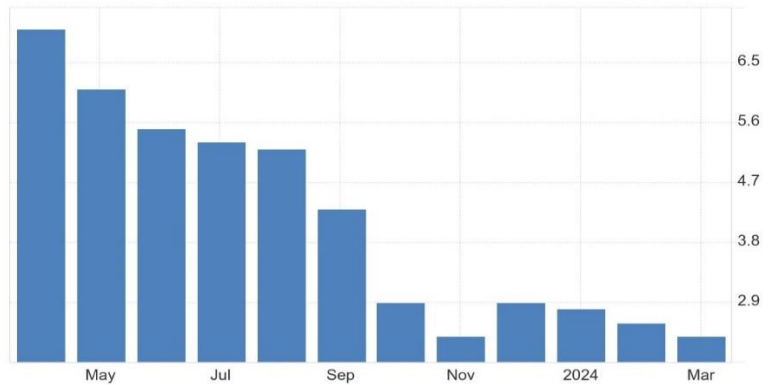
Giá sản xuất (PPI) tháng 2/2024 giảm mạnh nhất trong vòng 9 tháng

YoY: -8,3%/-8%/-8,6%

MoM: -1%/-0,9%/dự báo giảm 0,7%.

Lạm phát thấp hơn dự báo

EA Inflation Rate - percent



Source: tradingeconomics.com | EUROSTAT

Thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục

Tỷ lệ thất nghiệp tháng 2/2024 xuống thấp ở mức 6,5%, tương đương tháng trước và cao hơn dự báo 6,4%. Tháng 3/2023, thất nghiệp ở mức 6,6%.

Trong khu vực, Tây Ban Nha có mức cao nhất 11,5%, Đức có mức thấp nhất 3,2%.

Theo S&P, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong tháng 3/2024 lần đầu tiên tăng trưởng kể từ tháng 5/2023 khi Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tổng hợp tăng lên 50,3 trong tháng 3/2024, so với mức 49,2 của tháng 2/2024, trong khi mức ước tính sơ bộ là 49,9.

Tuy nhiên, vẫn còn có những yếu tố kém tích cực:

*Doanh số bán lẻ tính đến tháng 2/2024, giảm nhiều hơn dự kiến (giảm 0,5% m/m và giảm 0,7% y/y tạo chuỗi giảm 17 tháng liên tiếp).

* Giá nhà đến cuối năm ngoài giảm 1,1% y/y – đánh dấu 3 quý liên tiếp giảm (quý 3/2023 giảm 2,2%).

* Chỉ số Nhà quản trị mua hàng PMI lĩnh vực sản xuất điều chỉnh lại lên 46,1 điểm cao hơn so với sơ bộ (45,7). Niềm tin kinh doanh cũng tăng lên mức cao nhất trong gần 1 năm qua, tuy nhiên, kỳ vọng tăng trưởng vẫn khá yếu.

Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Kinh tế Nhật Bản: Doanh số bán lẻ tăng vượt dự báo, Chỉ số kinh tế dẫn báo cao nhất kể từ 8/2022

Kinh tế Nhật Bản, đến tháng 3/2024, có một số thông tin kinh tế đáng chú ý:

Chỉ số kinh tế dẫn báo tháng 2/2024 tăng lên 111,8 điểm cao nhất kể từ tháng 8/2022, (tháng trước 109,5 điểm), vượt mức dự báo (111,6), đây cũng là mức điểm cao nhất kể từ tháng 8/2022. Chỉ số này cũng cho thấy, khu vực dịch vụ tăng mạnh nhất trong vòng 7 tháng qua và hoạt động sản xuất, chế tạo giảm ít nhất trong vòng 4 tháng qua.

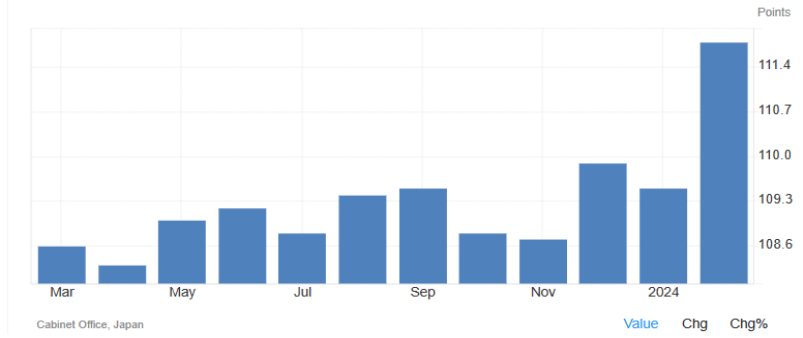
Doanh số bán lẻ tăng vượt dự báo:

+Tăng 4,6% y/y, vượt lên từ mức 2,1% trong tháng trước và kỳ vọng thị trường 3%. So với tháng trước, doanh số bán lẻ tăng 1,5%, so với mức chỉ 0,2% trong tháng 1/2024.

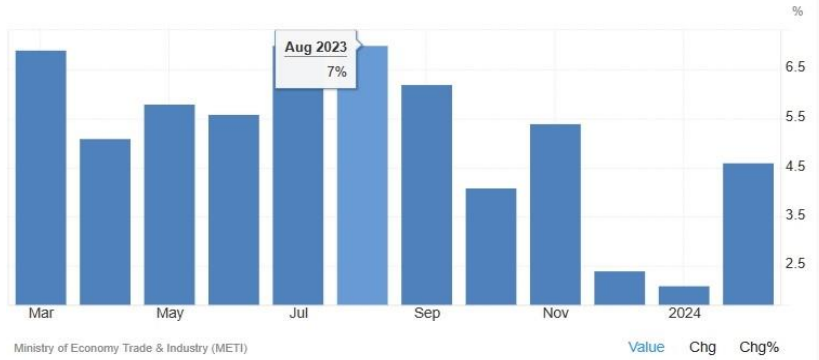
+Bán lẻ đã tăng 24 tháng liên tiếp cho thấy tiêu dùng có chuỗi hồi phục lành mạnh.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 3/2024 ở mức 48,2 điểm, dưới mức trung bình nhưng đã cao hơn so với tháng trước (47,2 điểm), tâm lý kinh doanh tích cực với hy vọng sự hồi phục trong nước và toàn cầu tiếp tục.

Chỉ số dẫn báo kinh tế tăng cao



Doanh số bán lẻ vượt dự báo



Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

Giá dầu thị trường quốc tế tăng cao nhất 5 tháng

Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong vòng 5 tháng khi căng thẳng leo thang ở Trung Đông với việc Israel đóng cửa đại sứ quán vì mối đe dọa từ Iran.

Dầu WTI và dầu Brent đã vào “điểm giao thoa vàng” (golden cross) trong tuần này, khi đường trung bình động ngắn hạn (50 ngày) giao cắt lên trên đường trung bình động dài hạn (200 ngày) – Thị trường thường xem đây là dấu hiệu của động lực đẩy giá lên hơn nữa.

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu WTI tăng 32 cent (tương đương 0,37%) lên 86,91 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent tăng 52 cent (tương đương 0,57%) lên 91,17 USD/thùng.

Dầu WTI tăng vọt 4,5% trong tuần này, còn dầu Brent tăng 4,2%.

Nguồn: OPEC/Kitco

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới có tuần tăng mạnh tới 4%

Giá vàng tăng được thị trường đánh giá bởi nhiều yếu tố: kỳ vọng hạ lãi suất ở Mỹ, hoạt động mua đầu cơ và mua vàng của các NHTW khiến giá vàng tăng lên kỷ lục bất chấp tăng trưởng việc làm mạnh mẽ của Mỹ trong tháng 3/2024, tình hình Trung Đông căng thẳng hơn...

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng 1,5% lên trên 2.323 USD/oz, sau khi đạt mức cao kỷ lục trên 2.330 USD/oz vào đầu phiên. Giá vàng đã tăng vọt hơn 4% trong tuần này và ghi nhận chuỗi 3 tuần tăng liên tiếp.

Hợp đồng vàng tương lai tăng 1,5% lên gần 2.343 USD/oz.

II. Thị trường tài chính

Động thái chính sách các NHTW lớn

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed): Chủ tịch Fed Jerome Powell phát biểu rằng các nhà hoạch định chính sách thuộc Fed cần thêm thời gian để đánh giá tình trạng lạm phát hiện nay trước khi đưa ra quyết định chính thức về thời điểm cắt giảm lãi suất.

Ngân hàng Goldman Sachs dự đoán Fed sẽ có 03 lần cắt giảm lãi suất cơ bản trong năm 2024, với lần đầu tiên sẽ diễn ra vào tháng 6.

Sang năm 2025, sẽ có tổng cộng 04 lần cắt giảm lãi suất nữa, cộng thêm một lần cắt giảm vào năm 2026, đưa lãi suất dài hạn của Mỹ về mức ổn định 3,25 - 3,5%.

NHTW Nhật Bản (BOJ): Thống đốc NHTW Nhật Bản, ông Kazuo Ueda cho biết khả năng đạt được mục tiêu lạm phát của BOJ sẽ diễn ra vào khoảng thời gian giữa mùa hè đến mùa thu 2024.

Phát biểu tại Quốc hội hôm ngày 5/4/2024, Thống đốc K. Ueda vẫn kiên định với quan điểm rằng tỷ giá hối đoái (JPY/USD) là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến lạm phát và nền kinh tế, vì vậy BOJ sẽ theo dõi chặt chẽ.

Nguồn: Bloomberg/Nikkei

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN VĨ MÔ

Công điện số 32/CD-TTg ngày 5/4/2024 gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giải pháp điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

a) Tiếp tục theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế thế giới, trong nước, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả hơn; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, nhất là về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, giảm mật bằng lãi suất cho vay;

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế truyền thống như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu và thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực rủi ro, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục có chính sách đột phá các gói tín dụng ưu đãi;...

c) Khẩn trương rà soát toàn diện, phân tích, đánh giá kỹ lưỡng kết quả thực hiện hạn mức tín dụng của hệ thống các tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế, từng ngành, từng lĩnh vực để theo thẩm quyền và quy định pháp luật có biện pháp điều hành hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 hiệu quả, kịp thời hơn nữa;...

d) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp phù hợp để giảm mật bằng lãi suất cho vay gắn với tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh;...

Tăng trưởng kinh tế 2024: 6%-6,5%

Bộ Kế hoạch & Đầu tư đưa ra 2 kịch bản về tăng trưởng kinh tế 2024:

Kịch bản 1:

Cả năm tăng 6%

9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,12%;

đ) Chỉ đạo, yêu cầu các tổ chức tín dụng:

- Thực hiện công khai mật bằng lãi suất cho vay, việc triển khai các gói tín dụng trước ngày 10/4/2024 theo đúng chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 134/TB-VPCP ngày 02/4/2024; tổ chức nào không thực hiện thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý nghiêm theo thẩm quyền và công khai theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục tiết giảm chi phí, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số..., nỗ lực phân đầu giảm mật bằng lãi suất cho vay để góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế cho người dân và không ngừng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;...

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả và bảo đảm công khai, minh bạch các gói tín dụng ưu đãi phù hợp với đặc thù của từng tổ chức tín dụng đối với các lĩnh vực quan trọng góp phần thúc đẩy các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ;

e) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại nhà nước nghiên cứu ngay việc xây dựng và cung cấp gói tín dụng cho người mua nhà ở xã hội có thời hạn đến 15 năm, lãi suất ưu đãi thấp hơn cho vay thương mại thông thường và cho các doanh nghiệp, các chủ đầu tư xây nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi hơn để các đối tượng có thu nhập thấp có cơ hội, động lực để mua nhà hoặc thuận lợi trong việc thuê hoặc thuê mua; tiếp tục nghiên cứu, xem xét hạ mức lãi suất, đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi cho việc vay nguồn vốn hỗ trợ 120.000 tỷ đồng phù hợp tình hình thực tiễn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 123/TB-VPCP ngày 27/3/2024.

g) Đẩy mạnh, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng và có giải pháp hiệu quả kịp thời xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng.

....

Nguồn: Chinhphu.vn

Các giải pháp trọng tâm, cụ thể:

Thứ nhất, bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án luật, nghị quyết, nội dung trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7; phối hợp chặt chẽ, từ sớm, từ xa với các cơ quan của Quốc hội để chủ động tiếp thu, giải trình, nhất là với những vấn đề thể chế, cơ chế, chính sách, quy định mới, thí điểm, đặc thù.

Thứ hai, tập trung xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật

Quý 2 là 5,85%, quý 3 và 4 lần lượt là 6,22% và 6,28%, đạt mức cận dưới hoặc thấp hơn kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Kịch bản 2:

Cả năm tăng 6,5% (cận trên mục tiêu Quốc hội quyết nghị);

9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,75%;

Quý 2 tăng 6,32%, quý 3 và quý 4 lần lượt là 6,79% và 7,08%.

Tăng trưởng các quý cao hơn khoảng 0,1% so với cận trên kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa ban hành Quyết định số 538/QĐ-NHNN phê duyệt Nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2024.

(Trước đó, năm 2021, NHNN cũng phê duyệt có 17 ngân hàng thuộc nhóm các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống gồm: Agribank, VietinBank, BIDV, Vietcombank, ACB, LienVietPostBank, Techcombank, HDBank, MBBank, VIB, SHB, Sacombank, TPBank, VPBank, SeaBank, MSB, SCB).

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành công văn số 2235/NHNN-TT về việc triển khai biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thẻ ngân hàng

Theo đó, NHNN yêu cầu các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một số nội dung sau:

- Chỉ đạo, rà soát các quy trình nội bộ về phát hành và sử dụng thẻ ngân hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

NHNN công bố số liệu tài chính mới nhất của hệ thống các TCTD

Tính đến ngày 31/1/2024:

- *Tổng tài sản toàn hệ thống* đạt gần 19,546 triệu tỷ đồng, giảm 527.609 tỷ đồng so với hồi đầu năm, tương đương mức giảm 2,63%. Trong đó, nhóm NHTM CP có tổng tài sản giảm mạnh nhất, giảm 3,87%, nhóm NHTM NN giảm 1,49%.

Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở..., bảo đảm đủ điều kiện để trình Quốc hội cho phép sớm thi hành các luật này trong tháng 7/2024. Các địa phương cần tập trung rà soát, sửa đổi văn bản thuộc thẩm quyền để có thể áp dụng Luật Đất đai ngay sau khi có hiệu lực, nhất là xây dựng bảng giá đất.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân.

Thứ tư, bảo đảm yêu cầu, tiến độ thực hiện chế độ tiền lương mới kể từ ngày 1/7/2024 theo đúng chủ trương của Trung ương Đảng, nghị quyết của Quốc hội.

Thứ năm, tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ và làm mới các động lực tăng trưởng về đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu; khai thác tối đa các động lực tăng trưởng mới từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...

Nguồn: chinhphu.vn

Theo đó, 14 ngân hàng thuộc Nhóm các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống năm 2024 gồm:

Agribank; VietinBank; BIDV; Vietcombank; ACB; LPBank; Techcombank; HDBank; MBBank; VIB; SHB; Sacombank; TPBank; VPBank.

NHNN yêu cầu Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, chi nhánh NHNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện giám sát chặt chẽ, cảnh báo kịp thời nguy cơ rủi ro trong hoạt động của 14 tổ chức tín dụng nêu trên để ngăn ngừa rủi ro có tính trọng yếu, rủi ro mang tính hệ thống.

- Rà soát đảm bảo các loại phí, lãi suất, phương pháp tính lãi đối với từng loại thẻ phát hành tuân thủ đúng quy định của NHNN và pháp luật liên quan; các thông tin về phí, lãi suất, phương pháp tính lãi suất cần được công khai minh bạch.

- Rà soát toàn bộ quy trình xử lý tra soát, khiếu nại theo đúng quy định pháp luật; Chủ động thông tin khách hàng nếu phát hiện các vấn đề bất thường trong việc sử dụng thẻ...

- *Tổng vốn điều lệ của toàn hệ thống* đạt 1.003.601 triệu tỷ đồng, tăng nhẹ so với cuối năm 2023.

- *Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn toàn hệ thống* đạt 28,09% (cuối năm 2023 là 27,74%). Trong đó, nhóm NHTM nhà nước có tỷ lệ là 23,22%; nhóm NHTM cổ phần có tỷ lệ là 40,07%; nhóm công ty tài chính, cho thuê có tỷ lệ là 36,67%...

- *Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi* đạt 77,87%, tăng so với mức 76,04% vào cuối năm 2023. Trong đó, nhóm NHTM Nhà nước đạt 81,31%; nhóm NHTM cổ phần đạt 80,88%; nhóm ngân hàng LD, nước ngoài đạt 44,41%...

Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức thấp, tín dụng quý I/2024 tăng trưởng dương

Tính đến thời điểm 25/3/2023, huy động vốn của các tổ chức tín dụng giảm 0,76% so với cuối năm 2023; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 0,26%. (Đến hết quý I/2024, đạt 0,9%).

Lãi suất cho vay bình quân NHTM Sau BIDV, một số ngân hàng cũng đã triển khai công bố lãi suất cho vay bình quân.

NH Agribank: lãi suất cho vay bình quân tháng 3/2024 là 7,47%/năm.

Chênh lệch lãi suất giữa cho vay và huy động là 1,47%/năm.

NH Bưu điện Liên Việt: lãi suất cho vay bình quân công bố vào cuối tháng 2/2024 dành cho các khoản phát sinh trong tháng, không phân biệt cá nhân hay doanh nghiệp là 8,07%/năm. Lãi suất bình quân đối với tiền gửi tất cả các kỳ hạn là 5,82%/năm. Chênh lệch lãi suất bình quân là 2,25%/năm.

Huy động vốn có dấu hiệu giảm trong bối cảnh lãi suất huy động đang ở mức thấp nhất lịch sử. Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức thấp, xu hướng giảm bắt đầu chậm lại.

Tín dụng quý I/2024 mặc dù tăng trưởng dương song đạt mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, cho thấy sức hấp thụ tín dụng của nền kinh tế còn yếu.

Nguồn: NHNN, TCTK

NH TMCP Tiên Phong: lãi suất cho vay bình quân là 7,76%. Chênh lệch lãi suất bình quân là 3,75%.

NH TMCP Á Châu: lãi suất cho vay cơ sở áp dụng cho toàn hệ thống từ ngày 2/10/2023 là 8,7%/năm,

NH TMCP Sài Gòn Thương Tín: lãi suất vay cơ sở được công bố với VND kỳ hạn 1-3 tháng là 4,2%/năm, kỳ hạn 4-6 tháng là 5,6%/năm, kỳ hạn 10-12 tháng là 7,7%/năm, còn trung dài hạn là 8,5%/năm.

NH TMCP Quốc tế: lãi suất cho vay bình quân trong tháng 2/2024 của khách hàng cá nhân với khoản vay ngắn hạn là 7,29%/năm; vay trung và dài hạn là 8,6%/năm. Đối với khách hàng doanh nghiệp, lãi suất bình quân khoản vay ngắn hạn ở mức 6,83%; trung và dài hạn là 7,69%.

Chênh lệch lãi suất bình quân là 3,16%/năm.

...

Nguồn: HHHH tổng hợp

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thời hạn	Lãi suất BQ liên Ngân hàng (% năm)	Doanh số (Tỷ đồng)
Qua đêm	3,90	272.177,0
1 Tuần	4,22	16.704,0
2 Tuần	3,94	6.630,0
1 Tháng	4,35	931,0
3 Tháng	4,03	3.742,0
6 Tháng	4,68	105,0
9 Tháng	5,70	25,0

Ngày áp dụng: 04/4/2024

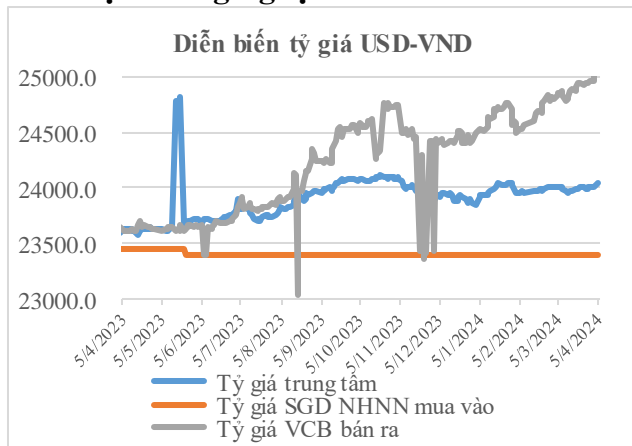
*Trong tuần 1-5/4/2024, lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại ở tất cả các kỳ hạn.

*Trên thị trường mở tuần qua, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng 55.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố, lãi suất ở mức 4,0%.

Có 8.465,53 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối



* Thị trường ngoại tệ trong tuần 1-5/4/2024, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng. Chốt ngày 5/4, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.038 VND/USD, tăng 35 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

* Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD, trong khi giá bán USD cuối tuần được niêm yết ở mức 25.189 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

* Trong tuần, tỷ giá VND-USD liên ngân hàng tăng mạnh các phiên đầu tuần rồi giảm trở lại 2 phiên cuối tuần. Kết thúc phiên 5/4/2024, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 24.960 VND/USD, tăng mạnh 150 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
VPCP	Công điện số 32/CĐ-TTg về các giải pháp điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024	05/4/2024		Chinhphu.vn

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư số 16/2019/TT-NHNN ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.	04/4/2023	https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpl
NHNN	Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 08/2021/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về cho vay đặc biệt.	03/4/2024	
NHNN	Dự thảo Thông tư hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	04/4/2024	https://luatvietnam.vn/du-thao.html

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM